BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GTVT III

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0642009-8 - Vẽ Kỹ thuật
STC : 4(60,0,0,0,0,0)
Lần thi : 1
Lớp :
Năm học : 2013-2014
Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phạm Đăng	Khoa	3440000035	20/07/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
2	Nguyễn Khánh	Nhân	3544010002	12/08/1994	7,50	6,00	6,80	
3	Trương Bá	Tước	3544010044	02/12/1995	,00	,00	,00	CT
4	Lê	Hoàng	3544010046	24/11/1988	,00	,00	,00	CT
5	Trương Minh	Tiến	3544010052	20/07/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
6	Nguyễn Duy	Khánh	3544010067	09/08/1996	7,00	5,00	6,00	
7	Trương Bảo	Nhật	3602010004	24/05/1992	6,00	4,00	5,00	
8	Nguyễn Thanh	Tâm	3604010001	28/11/1994	6,00	3,00	4,50	
9	Thiệu Thy	Cường	3604010012	31/11/1988	,00	,00	,00	Nợ HPC
10	Võ Tấn	Chiến	3604010014	23/04/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
11	Trương Hiệp	Sương	3642010533	12/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
12	Trần Đình	Khoa	3644010009	28/04/1994	6,50	3,00	4,80	
13	Nguyễn Hữu	Toàn	3644010017	10/05/1994	2,50	,00	1,30	Nợ HPC
14	Nguyễn Văn	Pháp	3644010033	02/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
15	Phan Thành	Tấn	3644010045	02/02/1994	6,00			
16	Dương Văn	Thế	3644010122	06/01/1994	7,00	4,00	5,50	
17	Nguyễn Chí	Công	3644010134	04/01/1993	6,00	4,00	5,00	
18	Võ Thanh	Hạnh	3644010191	14/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
19	Nguyễn Hoàng	Nhân	3644010204	17/07/1993	7,00	5,00	6,00	
20	Nguyễn Hoàng	Nam	3644010226	20/01/1992	7,00	2,00	4,50	
21	Nguyễn Hữu	Thạnh	3644010251	12/11/1993	2,50	,00	1,30	Nợ HPC
22	Nguyễn Văn	Nhạn	3644010273	19/04/1994	6,50	2,00	4,30	
23	Huỳnh Thanh	Hiệp	3644010281	11/05/1993	6,00	3,00	4,50	
24	Nguyễn Văn	Đông	3644010291	06/10/1994	7,00	4,00	5,50	
25	Võ Hữu	Công	3644010293	05/02/1993	7,00	4,00	5,50	
26	Nguyễn Đình	Huy	3644010303	15/07/1993	8,00	5,00	6,50	
27	Trần Minh	Toàn	3644010307	20/08/1993	2,50	,00	1,30	Nợ HPC
28	Kiều Vũ	Khương	3644010310	27/03/1994	6,50	3,00	4,80	
29	Nguyễn Đức	Dương	3644010316	02/04/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
30	Đường Dĩ	Cử	3644010322	05/08/1990	7,50	6,00	6,80	
31	Huỳnh Hoàng	Minh	3644010328	01/09/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
32	Nguyễn Kim	Bình	3644010338	24/11/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
33	Hà Thư	Hoàng	3644010340	18/07/1993	7,50	6,00	6,80	
34	Lê Văn	Duân	3644010363	02/10/1994	8,00	6,00	7,00	
35	Lê Tấn	Vũ	3644010376	20/07/1994	6,00	4,00	5,00	

Học phần : 0642009-8 - Vẽ Kỹ thuật | STC : 4(60,0,0,0,0,0) | Lần thi : 1

Lớp : | Năm học : 2013-2014 | Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Nhật	Huy	3644010393	02/09/1994	6,00	5,00	5,50	
37	Đỗ Ý	Trưởng	3644010419	27/05/1993	6,00	2,00	4,00	
38	Nguyễn Văn	Sang	3644010446	25/08/1994	7,00	4,00	5,50	
39	Nguyễn Trọng	Tấn	3644010456	14/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
40	Nguyễn Hoàng	Khan	3644010457	21/07/1993	6,50	4,00	5,30	
41	Nguyễn Đăng	Khánh	3644010458	08/08/1994	7,00	4,00	5,50	
42	Phan Vĩnh	Nghi	3644010485	16/04/1994	7,00	5,00	6,00	
43	Hồ Quang	Huy	3644010490	15/06/1993	6,00	5,00	5,50	
44	Phạm Văn	Tiến	3644010518	20/10/1993	6,00	4,00	5,00	
45	Hồ Trương Kỳ	Phong	3644010523	07/10/1994	7,50	4,00	5,80	
46	Đặng Hào	Kiệt	3644010527	28/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
47	Nguyễn Hữu	Hoàng	3644012000	22/06/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
48	Nguyễn Văn	Hoàn	3644012017	19/03/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
49	Lầu Quốc	Huân	3644012032	10/05/1994	6,50	5,00	5,80	
50	Phạm Đình	Khiêm	3644012056	20/12/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
51	Phan Minh	Mẫn	3644012063	14/07/1992	7,00	4,00	5,50	
52	Châu Quốc	Tính	3644012110	04/02/1993	2,50	,00	1,30	Nợ HPC
53	Phan Trọng	Nhựt	3644012113	06/11/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)